TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **853**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước;

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1621/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: A Điện Biên Phủ, Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh N,** sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ tạm trú: A Điện Biên Phủ, Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Năm 2016, bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Minh N chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 22/6/2016. Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/8/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc Y yêu cầu được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng, cả hai không còn yêu thương nhau; bà yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 02/3/2020, nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải do hai bên không còn khả năng hàn gắn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình nên Tòa án không thể ghi nhận. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

[1] Về tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo trả lời xác minh ngày 03/12/2019 của Công an Phường N, quận Bình Thạnh thì ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1983 có tạm trú tại địa chỉ A Điện Biên Phủ, Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

1.2 Xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

1.3 Về thu thập chứng cứ:

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của các đương sự theo quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được ghi nhận trong Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các ngày 02/3/2020 và 06/4/2020.

[2] Về nội dung:

2.1 Quan hệ giữa vợ và chồng:

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2016 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Minh N thì có đủ căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét, hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn tồn tại trong một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Theo nguyên đơn trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn do sự khác biệt về tính cách dẫn đến mâu thuẫn không thể hòa giải, ngày càng trở nên gay gắt. Về phía bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập, thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn, đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù địa phương chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn nào giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng cuộc sống gia đình nhất thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm. Hiện nay, hai bên đương sự mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Bản thân nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu mà Tòa án thu thập được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

2.2 Về con chung: Theo Trích lục khai sinh (bản sao) số 544/TLKS-BS ngày 12/7/2016, do UBND Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho trẻ Nguyễn Minh D, sinh ngày 22/6/2016 (Giấy khai sinh số 267/2016 ngày 12/7/2016), có căn cứ xác định trẻ D là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản gửi cho Tòa án về việc nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, trẻ D đang sống chung với nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn, điều kiện thực tế và quyền lợi của trẻ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; bị đơn không có văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giải quyết về quyền và nghĩa vụ tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8,9,56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Minh N ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2016 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Minh N hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 22/6/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y không yêu cầu ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con.

3. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Ngọc Y không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí là 300,000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300,000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0021624 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Minh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- UBND P.N, Q. Bình Thạnh(1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh(1);
- VKSND Q. Bình Thạnh(1);
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh (1);
- Lưu VP, HS(5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thanh